



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

ĐOÀN THỤC QUYÊN

Phát triển bền vững từ nhiều năm nay đã trở thành xu hướng tất yếu ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, phát triển bền vững được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, là mục tiêu trong toàn bộ các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, gắn liền với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm sự phát triển hài hòa, ổn định, bền vững, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân. Bài viết này làm rõ hơn khái niệm, sự cần thiết về phát triển bền vững và nêu những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển bền vững.

Từ khóa: Phát triển bền vững, kinh tế-xã hội, tăng trưởng

SUSTAINABLE DEVELOPMENT AND ISSUES FOR VIETNAM

Doan Thuc Quyen

Sustainable development for many years has become an inevitable trend in all countries around the world. In Vietnam, sustainable development is identified as a central task and a goal of all socio-economic development policies, associated with social equality and progress, harmonious and sustainable development, wealthiness, and happiness of the people. This article clarifies the concept and necessity of sustainable development and outlines the problems facing Vietnam when implementing sustainable development goals.

Keywords: Sustainable development, socio-economic, growth

Ngày nhận bài: 2/8/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 20/8/2022

Ngày duyệt đăng: 26/8/2022

Phát triển bền vững và ý nghĩa của phát triển bền vững

Thuật ngữ "phát triển bền vững" xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm Chiến lược bảo tồn Thế giới (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN) với nội dung rất đơn giản: "Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học". Khái niệm này được phổ biến rộng rãi vào năm 1987 tại Báo cáo Brundtland (Báo cáo Our Common Future) của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới -

WCED (Ủy ban Brundtland). Báo cáo này nêu rõ: "Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...".

Năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc được tổ chức ở Rio de Janeiro đề ra Chương trình nghị sự toàn cầu cho thế kỷ XXI, theo đó, phát triển bền vững được xác định là: "Sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai".

Phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội... phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hòa 3 lĩnh vực chính là kinh tế - xã hội - môi trường. Cụ thể:

- Phát triển bền vững về kinh tế đòi hỏi sự phát triển của hệ thống kinh tế, trong đó cơ hội để tiếp xúc với những nguồn tài nguyên được tạo điều kiện thuận lợi và quyền sử dụng những nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động kinh tế được chia sẻ một cách bình đẳng. Theo đó, các nội dung cơ bản cần quan tâm thực hiện là: Giảm dần mức tiêu phí năng lượng và các tài nguyên khác thông qua công nghệ tiết kiệm và thay đổi lối sống; Thay đổi nhu cầu tiêu thụ không gây hại đến đa dạng sinh học và môi trường; Bình đẳng trong tiếp cận các nguồn tài nguyên, mức sống, dịch vụ y tế và giáo dục; Xóa đói, giảm nghèo tuyệt đối; Công nghệ sạch và sinh thái hóa công nghiệp.

Bên cạnh đó, kinh tế bền vững chỉ có thể đạt được khi: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước



(GDP) và thu nhập bình quân trên đầu người cao; Cơ cấu GDP cũng là tiêu chí đánh giá phát triển bền vững về kinh tế. Chỉ khi tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP cao hơn nông nghiệp thì tăng trưởng mới có thể đạt được bền vững; Tăng trưởng kinh tế phải là tăng trưởng có hiệu quả cao, không chấp nhận tăng trưởng bằng mọi giá.

- Phát triển bền vững về xã hội được đánh giá bằng các tiêu chí như: Chỉ số phát triển con người (HDI), hệ số bình đẳng thu nhập, các chỉ tiêu về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, hưởng thụ văn hóa. Ngoài ra, bền vững về xã hội là sự bảo đảm đời sống xã hội hài hòa; có sự bình đẳng giữa các giai tầng trong xã hội, bình đẳng giới; mức độ chênh lệch giàu nghèo không quá cao và có xu hướng giảm lại; chênh lệch đời sống giữa các vùng miền không lớn.

Phát triển bền vững về xã hội gồm: Ổn định dân số, phát triển nông thôn để giảm sức ép di dân vào đô thị; Giảm thiểu tác động xấu của môi trường đến đô thị hóa; Nâng cao học vấn, xóa mù chữ; Bảo vệ đa dạng văn hóa; Bình đẳng giới, quan tâm tới nhu cầu và lợi ích giới; Tăng cường sự tham gia của công chúng vào các quá trình ra quyết định.

- Phát triển bền vững về môi trường: là sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo; Phát triển không vượt quá ngưỡng chịu tải của hệ sinh thái; Bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ tầng ôzôn; Kiểm soát và giảm thiểu phát thải khí nhà kính; Bảo vệ chặt chẽ các hệ sinh thái nhạy cảm; Giảm thiểu xả thải, khắc phục ô nhiễm, cải thiện và khôi phục môi trường những khu vực ô nhiễm...

Những chuyển biến tích cực trong phát triển bền vững tại Việt Nam

Trong những năm qua, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhiều nỗ lực và đạt nhiều kết quả tích cực về phát triển bền vững. Điển hình như, năm 2018, Việt Nam xếp thứ 69/190 về môi trường kinh doanh (đánh giá của Ngân hàng Thế giới); xếp thứ 77/140 về năng lực cạnh tranh (đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới), xếp thứ 54/162 quốc gia lọt vào Top 30% quốc gia dẫn đầu về phát triển bền vững...

Từ năm 2011 đến nay, Việt Nam luôn nỗ lực duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; bảo đảm an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển bền vững các vùng và địa phương. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2021 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính

theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Cơ cấu kinh tế cũng có những bước tiến tích cực, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GDP ngày càng tăng, khu vực nông nghiệp trong cơ cấu GDP ngày càng giảm. An ninh lương thực được bảo đảm. Những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế đã góp phần tích cực vào việc phát triển bền vững các lĩnh vực khác.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, chất lượng tăng trưởng thấp; Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng còn hạn chế, hệ số sử dụng vốn (ICOR) cao; Năng lực cạnh tranh quốc gia chưa được cải thiện nhiều, nhất là về thể chế kinh tế, kết cấu hạ tầng và đổi mới công nghệ.

Việt Nam luôn tích cực đẩy mạnh công tác giảm nghèo theo hướng bền vững; tạo việc làm bền vững; Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm, riêng các huyện nghèo giảm trên 4%/năm. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; cải thiện và nâng cao chất lượng dân số; phát triển văn hoá hài hoà với phát triển kinh tế, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam; phát triển bền vững các đô thị, xây dựng nông thôn mới, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước, vùng và địa phương... Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển, chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo đạt tới 20% tổng chi ngân sách; Từ năm 2011, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở...

Bên cạnh đó, vấn đề môi trường được Việt Nam chú trọng, việc bảo vệ tài nguyên, môi trường đã đi vào nề nếp. Bằng những chính sách hợp lý, các giải pháp quyết liệt, vấn đề bảo vệ môi trường sống, chống ô nhiễm các nguồn nước, không khí đã được tất cả các địa phương, các ngành và các tầng lớp nhân dân đồng thuận và cùng tham gia. Công tác trồng rừng, bảo vệ rừng được quan tâm hơn nên tình trạng cháy và chặt phá rừng đã giảm đáng kể.

Những kết quả trên là nền tảng để Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn mới, tuy nhiên, trước mắt còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Trước mắt, cần thúc đẩy hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP), cụ thể: ban hành Luật PPP, thay đổi mô hình PPP hiện nay, thu hút các nhà đầu tư mới để hướng tới phát triển bền vững. Các dự án giao thông, cơ sở hạ tầng trong nhiều lĩnh vực, thậm chí các dịch vụ công... đều cần có sự hợp tác PPP để phát triển bền vững. Nguồn vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng ở Việt Nam cần khoảng



20 tỷ USD mỗi năm trong những năm tới. Trong điều kiện nguồn vốn nhà nước hạn hẹp, trợ giúp phát triển chính thức (ODA) hạn chế, thì hình thức đầu tư đối tác công tư và huy động nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân sẽ đóng vai trò quan trọng. Đối tác công tư không chỉ là sự chung tay giữa Nhà nước và tư nhân trong phát triển cơ sở hạ tầng mà cần được mở rộng ra các lĩnh vực cung ứng dịch vụ công và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp quan trọng có vai trò dẫn dắt nền kinh tế. Hình thức đầu tư đối tác công tư được xem là một trong những phương thức hiệu quả nhất để triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển bền vững, là mục tiêu của phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cần tiếp tục đầu tư mạnh vào cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; Chú trọng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nghèo, vùng sâu, vùng xa, cả về thể lực và trí lực nhằm đạt mục tiêu thiên niên kỷ như đã cam kết về phát triển con người; Ưu tiên phục vụ con người, phát huy cao nhất yếu tố con người trong mỗi chiến lược phát triển.

Mục tiêu, giải pháp phát triển bền vững trong giai đoạn mới

Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Việt Nam xác định tầm nhìn chiến lược, quy hoạch phát triển trên các lĩnh vực và đặt chỉ tiêu: “Về kinh tế, GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%. Tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33 - 35% GDP; nợ công không quá 60% GDP...”

Về xã hội, Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,74; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%. Về môi trường, tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%; giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính; 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia”. Để đạt được các mục tiêu nói trên, các giải pháp cần thực hiện gồm:

Thứ nhất, giữ vững môi trường vĩ mô, ổn định chính trị xã hội. Đây là nhân tố quyết định để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển và cũng là một nhân tố cho phát triển bền vững”.

Thứ hai, tập trung tái cấu trúc nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng một cách hợp lý nhằm nâng cao năng lực, năng suất, chất lượng, hiệu quả, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung tái cơ cấu đầu tư, đặc biệt là đầu tư công, tái cơ cấu doanh nghiệp với doanh nghiệp nhà nước là chủ yếu; tái cơ cấu hệ thống tài chính ngân hàng, các ngành nghề lĩnh vực, tập trung phát triển các ngành công nghiệp cốt lõi gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ để nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất công nghiệp và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đó, tập trung tái cấu trúc ngành năng lượng, tái cơ cấu ngành, sản phẩm gắn với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển đô thị xanh, thông minh.

Thứ ba, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đường bộ, hạ tầng giao thông, hạ tầng y tế, giáo dục, hạ tầng đô thị nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ tư, chú trọng đến giáo dục đào tạo, coi giáo dục đào tạo và phát triển khoa học công nghệ là quốc sách để Việt Nam tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây là nhân tố quyết định cho sự phát triển và nhân tố cho tăng trưởng bền vững.

Thứ năm, hoàn thiện thể chế theo hướng tạo môi trường minh bạch hơn, cạnh tranh hơn, thông thoáng hơn để huy động các nguồn lực cho đầu tư cả trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển; Tập trung cải cách thủ tục hành chính để giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư và sản xuất của doanh nghiệp.

Thứ sáu, tập trung phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp là trung tâm; tăng cường vai trò nghiên cứu của các trường đại học; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ các chương trình khoa học trọng điểm, các nghiên cứu cấp bộ và hoạt động của các viện nghiên cứu Nhà nước; khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu tư nhân, nhất là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII;
2. Chính phủ (2004), Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam;
3. Chính phủ (2012), Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020;
4. Chính phủ (2018), Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;
5. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia. <https://vi.wikipedia.org/>.

Thông tin tác giả:

TS. Đoàn Thục Quyên – Trường Đại học Công đoàn

Email: quyendt@dhcd.edu.vn